

Gia Viên, ngày 25 tháng 12 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Về việc tiếp nhận hồ sơ năng lực và báo giá: **Cung cấp các thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, chất đốt (GAS) phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại Trường Mầm non Sao Sáng 4 từ tháng 1 - 8/2026**

Kính gửi: Các công ty, đơn vị kinh doanh thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, chất đốt GAS

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2024/QH15, ngày 23/6/2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 (điều 4); Luật số 90/2025/QH15 (Điều 1);

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Căn cứ Nghị quyết số 58/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc nuôi dưỡng, làm căn cứ xây dựng giá dịch vụ ăn bán trú cho trẻ mầm non tại đơn vị và làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu **“Cung cấp thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, chất đốt (GAS) phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại Trường Mầm non Sao Sáng 4 từ tháng 1 - 8/2026”**. Trường Mầm non Sao Sáng 4 mời các Công ty, đơn vị kinh doanh các loại mặt hàng thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, chất đốt có nhu cầu cung cấp cho bếp ăn bán trú của nhà trường, gửi hồ sơ năng lực và báo giá các mặt hàng cụ thể như sau:

I. Thông tin về đơn vị nhận hồ sơ năng lực và báo giá

1. Đơn vị đề nghị báo giá: Trường Mầm non Sao Sáng 4

Địa chỉ: Số 48A Văn Cao, Phường Gia Viên, TP Hải Phòng

Đại diện: (Bà) Dương Thị Phương Hảo Chức vụ: Hiệu Trưởng

Mã số thuế: 0200984664

Số tài khoản: 1042228249 Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp (hoặc qua bưu điện) tại địa chỉ: Trường Mầm non Sao Sáng 4, Số 48A Văn Cao, Phường Gia Viên, TP Hải Phòng.



Thời gian tiếp nhận báo giá: Trong 2 ngày làm việc, từ ngày 26/12/2025 đến 17h phút ngày 29/12/2025. Các báo giá gửi về nhà trường sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Yêu cầu chung:

Yêu cầu báo giá các các loại thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, chất đốt (GAS) phục vụ việc tổ chức cho trẻ ăn bán trú từ tháng 1 - 8/2026 đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn: Phụ lục đính kèm. (Báo giá đã bao gồm chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả thêm bất cứ khoản chi phí nào. Giá mà nhà cung ứng báo sẽ là giá cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và không thay đổi (nếu đơn vị được lựa chọn). Do vậy nhà cung ứng phải có trách nhiệm tính toán các khoản chi phí vào trong giá báo giá). (Có danh mục kèm theo)

2. Hồ sơ năng lực gửi về nhà trường

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn vệ sinh thực phẩm

Giấy chứng nhận kiến thức về An toàn vệ sinh thực phẩm

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn PCCC (đối với nhà cung cấp Gas)

Giấy chứng nhận kiến thức về An toàn PCCC (đối với nhà cung cấp Gas)

Cam kết/hợp đồng với nhà cung cấp đạt chuẩn

III. Yêu cầu cụ thể về chất lượng thực phẩm, nguyên liệu, hàng hoá cần đảm bảo theo giá của nhà cung ứng

1. Đối với thực phẩm

Nhà cung ứng ngoài việc báo giá cụ thể, cần nêu chi tiết từng loại thực phẩm, nguyên liệu mà nhà cung ứng có thể chào giá các loại thực phẩm, có tỷ lệ dinh dưỡng tương đương hoặc tốt hơn. Vì vậy nhà cung ứng có thể chào giá các loại thực phẩm khác nhau nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của nhà trường. Đối với các sản phẩm tốt hơn, nhà cung ứng phải có bảng so sánh và tài liệu chứng minh đính kèm báo giá. Thực phẩm mà nhà cung ứng cung cấp cho nhà trường phải tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người. Giá phải tương ứng với chất lượng thực phẩm theo yêu cầu dưới đây:

1.1. Yêu cầu đối với thịt, cá, thực phẩm tươi sống

Thịt tươi sống, không có thuốc tăng trọng; các thớ thịt đều, săn chắc, không nhũn nhão, đàn hồi tốt, ấn ngón tay vào thịt không để lại dấu ấn trên bề mặt thịt khi bỏ tay ra. Bề mặt khô, sạch, không dính lông và tạp chất lạ; Nước luộc thịt thơm, trong, vàng mỡ to (khi luộc thịt). Tôm, cá đảm bảo tươi sống, không rỉ dịch, chảy nhớt. Màu

sắc có màu đặc trưng của sản phẩm. Mùi có mùi đặc trưng của sản phẩm không có mùi lạ. Đạt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng. Đã qua kiểm dịch của cơ quan thú y, đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

1.2. Yêu cầu đối với rau, củ, quả

Đạt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng, độ tươi ngon. Đối với rau ăn lá phải tươi, ngon, không dập nát, không sâu, không có lá úa, lá già, không có tạp chất, không biến đổi gen. Củ quả to, đều còn cứng tươi; không có chất kích thích..., chất bảo vệ thực vật, rau đảm bảo cung cấp theo mùa.

1.3. Các sản phẩm từ trứng

Trứng còn tươi, khi để sôi dưới ánh đèn có buồng khí nhỏ, lòng đỏ tròn, không di động, nằm cân bằng ở giữa, lòng trắng trong suốt, cam hoặc hồng nhạt, khi lắc nhẹ mà không có tiếng động. Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

1.4. Các loại sản phẩm khác

- Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng
- Đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.

1.5. Đối với các hàng hoá khác

- Nhà cung ứng phải báo giá cụ thể, chi tiết từng loại hàng hoá, có nhãn mác hàng hoá (nếu có), xuất xứ của hàng hoá, nhà sản xuất cụ thể của hàng hoá, hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất, hạn sử dụng còn lại phải > 2/3 hạn sử dụng.

- Bao bì sản phẩm hàng hoá phải thể hiện đầy đủ thông tin về: nhãn mác sản phẩm, ngày sản xuất, hạn sử dụng, thông tin của nhà sản xuất.

- Trường hợp hàng hoá không đáp ứng yêu cầu chất lượng do nguyên nhân của nhà sản xuất thì nhà cung ứng phải cung cấp thay thế hàng hoá mới đạt yêu cầu chất lượng và thu hồi sản phẩm lỗi, thời gian cung cấp thay thế hàng hoá mới không quá 01 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo.

Rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia chào giá từ phía các đơn vị cung cấp dịch vụ.

Trân trọng cảm ơn!

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Phương Hảo



BẢNG KẾ DANH MỤC HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ:

Kèm theo Thư mời báo giá ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Trường Mầm non Sao Sáng 4)

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
I	THỰC PHẨM			
1	Bột canh	Đóng gói, tem mác nhà sx, còn hạn sử dụng	Kg	227,90
2	Dầu TV	Dầu ăn 100% dầu đậu nành, dầu olein cọ, dầu hướng dương... Màu vàng, trong, không vẩn đục, được đóng bao niêm phong, còn hạn sử dụng, tem mác rõ ràng	Kg	250,9
3	Gạo nếp	Gạo nếp đúng chuẩn loại gạo, hạt to tròn, trắng đặc trung, không mốc mọt không lẫn sạn, không tồn dư chất bảo quản, chất cấm trong trồng trọt	Kg	162,1
4	Gạo tẻ	Gạo tẻ đúng chuẩn loại gạo, hạt to tròn, trắng đặc trung, không mốc mọt không lẫn sạn, không tồn dư chất bảo quản, chất cấm trong trồng trọt	Kg	5.920,30
5	Nước mắm	Được đóng chai, còn hạn sử dụng, tem mác rõ ràng	Kg	35,43
6	Chân giò lợn (bỏ xương)	Màu hồng nhạt, hoặc đỏ thẫm sáng và bóng. Thịt săn chắc, đàn hồi. Các thớ thịt đều, khô ráo, không bị chảy nước, mỡ màu trắng trong hơi ngà, không mùi hôi thối. Sờ hơi dính tay, bỏ xương.	Kg	7,50
7	Xương đuôi	Xương có màu hồng tươi, khô ráo, không bị ướt, không chảy nước, không mùi hôi thối.	Kg	400,70
8	Thịt mỡ lợn	Mỡ khỏ, trắng, không mùi hôi, bóng, bỏ bì	Kg	228,9
9	Sườn thăn	Sườn có màu hồng tươi, khô ráo, không bị ướt, không chảy nước, không mùi hôi thối.	Kg	352,9

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
10	Thịt lợn mỡ sấn	Màu hồng nhạt, hoặc đỏ thẫm sáng và bóng. Thịt săn chắc, đàn hồi. Các thớ thịt đều, khô ráo, không bị chảy nước, mỡ màu trắng trong hơi ngà, không mùi hôi thối. Sờ hơi dính tay.	Kg	982
11	Thịt lợn nạc vai	Màu hồng nhạt, hoặc đỏ thẫm sáng và bóng. Thịt săn chắc, đàn hồi. Các thớ thịt đều, khô ráo, không bị chảy nước, không mùi hôi thối. Sờ hơi dính tay.	Kg	1.018,46
12	Giò sống	Giò thịt lợn, đóng gói 1kg, thơm, không chất bảo quản	Kg	21,9
13	Rong biển sợi trộn vừng	Đóng gói, khô, còn hạn sử dụng, không chất bảo quản	Kg	10
14	Bánh bao	Thủy hải sản tươi, đúng chủng loại yêu cầu. Không có dịch nhớt, không có mùi lạ	Kg	128
15	Bánh đa trắng	Bánh tươi ngon, không mốc, không chất bảo quản	Kg	180,10
16	Bánh mì lát	Bánh mì tươi ngon, sử dụng trong ngày	Kg	119,5
17	Bánh ngọt	Bánh tươi ngon, sử dụng trong ngày có mùi thơm của bơ sữa, mềm, màu sắc sáng tươi, không mốc	Kg	673,32
18	Bánh ngọt(piza ruốc)	Bánh tươi ngon, sử dụng trong ngày có mùi thơm của bơ sữa, mềm, màu sắc sáng tươi, không mốc	Kg	84,00
19	Bánh phở	Tươi, màu trắng đục, không mốc, không chua, sợi dai mềm không bị vỡ	Kg	652,8
20	Bánh quẩy	Bánh quẩy giòn, sử dụng trong ngày có mùi thơm, không chất bảo quản	Kg	1,06
21	Bắp cải	Tươi. Không bị nát lá, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không	Kg	387,4

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.		
22	Bầu	Quả tươi. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	239,3
23	Bí đỏ	Quả tươi. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	472,4
24	Bí xanh	Quả tươi. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	387,9
25	Bột bắp	Đóng gói theo tiêu chuẩn, còn nguyên thời hạn sử dụng	Kg	6,31
26	Bột năng	Đóng gói theo tiêu chuẩn, còn nguyên thời hạn sử dụng	Kg	85,35
27	Bột nghệ	Đóng gói theo tiêu chuẩn, còn nguyên thời hạn sử dụng	Kg	6,71
28	Bột sắn	Quả tươi. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	6
29	Bơ thực vật	Đóng nguyên hộp, còn hạn sử dụng dài ngày, có	Kg	19,3

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		mùi thơm đặc trưng.		
30	Cà rốt	Tươi. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	955,7
31	Cà chua	Tươi , chín màu đỏ, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	558,2
32	Cá diêu hồng	Tươi sống, không có dịch nhớt, không có mùi lạ, loại 1,5 kg- 2kg/con	Kg	99,4
33	Cá hồi	Tươi ngon, cắt khúc, không có mùi ươn, hôi.	Kg	100,54
34	Cà ra	Còn sống, đều con.	Kg	44,4
35	Cá song	Thủy hải sản tươi, sống, đúng chủng loại yêu cầu. Không có dịch nhớt, không có mùi lạ, loại 4 – 4,5 kg /con	Kg	68,00
36	Cá tầm	Thủy hải sản tươi, sống, đúng chủng loại yêu cầu. Không có dịch nhớt, không có mùi lạ, loại 3-4kg/con	Kg	78,2
37	Cá thu	Cá thu thịt không có mùi hôi, có mùi đặc trưng, thịt lọc ra sờ dính tay, co giãn đàn hồi. Thịt không bị nhớt, chảy nước, không có mùi hôi thối.	Kg	77,00
38	Cải canh	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo	Kg	35,4

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.		
39	Cải cúc	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	13,5
40	Cải thảo	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	77,6
41	Cải xanh	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	267,2
42	Cam sành	Quả tươi, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	918,5
43	Cốt dừa	Đóng nguyên hộp, còn hạn sử dụng dài ngày	Kg	6
44	Củ cải	Tươi. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	61,5
45	Củ dền	Tươi. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không	Kg	70,3

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.		
46	Cua bể	Cua gạch, còn sống, không dây loại 0,5-0,7 kg/con	Kg	50,4
47	Cua đồng	Cua đồng, còn sống, đều con.	Kg	154,4
48	Chanh dây	Chanh tươi, quả đều	Kg	211,3
49	Chuối tiêu	Quả chín, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	286,40
50	Chuối tây	Quả chín, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	67,50
51	Chuối xanh	Quả tươi, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	16,00
52	Dọc mùng	Quả tươi, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	35,6
53	Dứa ta	Quả đều, không dập nát.	Kg	104,70
54	Dưa hấu	Quả Tươi. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản,	Kg	690,60

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.		
55	Dưa vàng mai hương	Quả tươi, đều quả, không dập nát	Kg	343,4
56	Đậu phụ	Đậu phụ trắng, có mùi thơm của đậu tương.	Kg	191,7
57	Đậu xanh (hạt)	Hạt phải to tròn, đều hạt ,không sâu, không nấm mốc, không ẩm mốc, không hôi, không mối mọt.	Kg	123
58	Đỗ cove	Quả Tươi. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	84,2
59	Đỗ xanh	Quả Tươi. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	62,7
60	Đu đủ	Quả chín. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	8,7
61	Đường cát trắng	Sống khỏe, đều con, màu vàng tự nhiên	Kg	118,60
62	Ếch đồng	Sống khỏe, đều con, làm sạch, bỏ đầu	Kg	130,9
63	Gà ta bỏ chân	Màu vàng nhạt, hoặc vàng thâm sáng và bóng. Thịt săn chắc, đàn hồi. Khô ráo, không bị chảy nước, không mùi hôi thối. Không có mùi ươn.	Kg	775,30

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
64	Gừng	Củ to, màu vàng nhạt, khô. Không bị dập nát, không bị khô, không bị dốt	Kg	3,45
65	Giá đỗ	Tươi, màu trắng đục, không mốc, không chua, không dập	Kg	362,1
66	Hành khô	Củ khô, bóc vỏ, màu tím nhạt, không bị mốc, không dập nát, không ôi thiu	Kg	29
67	Hành mùi, cần tỏi	Tươi, không dập nát, thối.	Kg	157,41
68	Hành tây	Củ đều, không dập nát, thối.	Kg	176,15
69	Hạt điều khô	Đóng gói kín, hạt không bị mốc, không vỡ vụn, còn hạn sử dụng dài ngày	Kg	2,3
70	Hạt điều tươi	Hạt tươi, đóng gói kín, hạt không bị mốc, không vỡ vụn, còn hạn sử dụng dài ngày	Kg	78,8
71	Hạt óc chó	Đóng gói kín, hạt không bị mốc, không vỡ vụn, còn hạn sử dụng dài ngày	Kg	41,36
72	Hạt sen	Đóng gói kín, hạt không bị mốc, không vỡ vụn, còn hạn sử dụng dài ngày	Kg	42,60
73	Khoai sọ	Củ đều, không bị sâu, bị hà, vẫn tươi, không chất bảo quản	Kg	23,4
74	Khoai tây	Củ đều, không bị sâu, bị hà, vẫn tươi, không chất bảo quản	Kg	209,7
75	Lạc đỏ	Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	28
76	Long nhãn	Thơm, dẻo, màu vàng sẫm, không bị mốc, không bị đen, không bị dốt, chảy nước	Kg	7,5

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
77	Lươn đồng	Sống khỏe, đều con, màu vàng tự nhiên	Kg	214,9
78	Me	Quả tươi, non, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	51
79	Miến dong	Miến khô, đóng gói, tem mác nhà SX, còn hạn sử dụng	Kg	3
80	Mộc nhĩ	Khô, đóng gói, không chất bảo quản	Kg	3,5
81	Rau mùng tơi	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	82,7
82	Mực mai loại 1	Thủy hải sản tươi, đúng chủng loại yêu cầu. Không có dịch nhớt, không có mùi lạ	Kg	51,40
83	Mướp	Quả tươi, non, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	141,5
84	Mỳ ý	Đóng gói, còn hạn sử dụng, không chất bảo quản	Kg	79,2
85	Nấm đông cô	Tươi, đóng túi, không dập nát	Kg	12
86	Nấm hương khô cánh nhỏ	Đóng gói, khô, còn hạn sử dụng, không chất bảo quản	Kg	17,89
87	Nui	Đóng gói, còn hạn sử dụng, không chất bảo quản	Kg	4,5

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
88	Nước dừa	Đóng hộp, còn hạn sử dụng	Kg	110,2
89	Ngao loại 40-50 con	Ngao hoa sống, đúng chủng loại yêu cầu. Không có con chết, không có mùi lạ, không sạn	Kg	52,50
90	Ngô	Bắp đều hạt, tươi, không dập nát	Kg	728,1
91	Ngô bao tử	Ngô bao tử, tươi, không dập nát	Kg	30
92	Ốc bươu loại to	Đều con, còn sống, không chết, mùi lạ	Kg	284,5
93	Ớt chuông đỏ	Quả tươi, đỏ, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	18,70
94	Pho mai	Đóng gói, còn hạn sử dụng, không chất bảo quản	Kg	2,83
95	Quả bơ	Quả tươi, chín mềm, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	16,50
96	Quả thanh long	Thịt bò tươi, có màu đỏ tươi, mỡ bò có màu vàng tươi, gân màu trắng và cứng khi ấn vào. Thớ thịt bò nhỏ, mềm, thịt khô ráo, thịt có độ đàn hồi tốt, không bị nhớt và không có mùi hôi. Sờ hơi dính tay.	Kg	71,3
97	Rau cần	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	82,5

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
98	Rau ngót	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	14,50
99	Sốt mayonnaise	Đóng lọ, còn hạn sử dụng, không chất bảo quản	Kg	9,35
100	Su su	Củ tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	653,7
101	Súp lơ xanh	Tươi , non, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	175,60
102	Sữa đặc có đường	Sữa đóng hộp, còn hạn sử dụng, tem mác nhà SX	Kg	358,27
103	Sữa bò tươi	Sữa đóng hộp, còn hạn sử dụng, tem mác nhà SX	Kg	1011,1
104	Tỏi khô	Tươi ngon, không bị ôi thiu, chấy dớt, không có chất bảo quản	Kg	30,85
105	Tôm nót	Thủy hải sản tươi, sống, đúng chủng loại yêu cầu. Không có dịch nhớt, không có mùi lạ, sise 40 con-45con / kg)	Kg	844,56
106	Thìa là	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	1,20

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
107	Thịt bò (nạm úc rẻ sườn)	Thịt bò tươi, có màu đỏ tươi, mỡ bò có màu vàng tươi, gân màu trắng và cứng khi ấn vào. Thớ thịt bò nhỏ, mềm, thịt khô ráo, thịt có độ đàn hồi tốt, không bị nhớt và không có mùi hôi. Sờ hơi dính tay.	Kg	434
108	Thịt ngan	Thịt ngan thịt săn bỏ lòng mề, chân cổ, Da vàng hoặc trắng ngà, thịt không có mùi hôi, có mùi đặc trưng, thịt lọc ra sờ dính tay, co giãn đàn hồi. Thịt không bị nhớt, chảy nước, không có mùi hôi thối.	Kg	128,1
109	Trứng cút	Quả đều, vỏ mỏng, màu lốm đốm, sờ ram ráp nặng tay, không lúc lắc, không dập nát, không mùi hôi thối	Kg	119,5
110	Trứng gà	Quả đều, vỏ mỏng, không lúc lắc, không dập nát, không mùi hôi thối	Kg	118,9
111	Trứng vịt	Quả đều, vỏ mỏng, không lúc lắc, không dập nát, không mùi hôi thối	Kg	228,3
112	Vùng	Tươi, Vùng ráo, Vùngng bị thối nát, Vùngng tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, Vùngng sử dụng hoá chất bảo quản, Vùngng dập, thâm nhũn, Vùngng mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	6,60
113	Xoài chín	Quả chín, Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	68,1
114	Yến mạch	Đóng gói, khô, còn hạn sử dụng, không chất bảo quản	Kg	36,90

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng
II	SẢN PHẨM DINH DƯỠNG			
1	Sữa bột toàn phần	Hộp nguyên vẹn không méo mó, không bị mất nhãn hiệu. Còn nguyên tem dán chống hàng giả, còn hạn sử dụng. Sữa có màu trắng đục, có mùi thơm. Còn hạn sử dụng	Kg	841,70
2	Sữa chua	Hộp nguyên vẹn không méo mó, không bị mất nhãn hiệu. Còn nguyên tem dán chống hàng giả, còn hạn sử dụng. Sữa có màu trắng đục, có mùi thơm. Còn hạn sử dụng	Kg	1729,5
IV	CHẤT ĐỐT			
1	Gas petrolimex	Bình 48kg, sơn màu xanh dương đặc trưng của Petrolimex, có logo và tem niêm phong. Vỏ bình còn nguyên vẹn, không móp méo, không rỉ sét, không biến dạng.	Kg	5.760